CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam

Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022;

Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam.[1]

---

[1] Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có căn cứ ban hành như sau:
"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về công tác đăng kiểm tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm và tàu lặn mang cờ quốc tịch Việt Nam.

2. Các tàu biển phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác đăng kiểm tàu biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty (doanh nghiệp) tàu biển là chủ tàu biển hoặc tổ chức thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO).

2. Thiết kế tàu biển là hồ sơ kỹ thuật được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hộichủ nghĩa Việt Nam là thành viên nhằm phục vụ cho đóng mới, hoán cải, sửa chữa và khai thác tàu biển.

3. Tài liệu hướng dẫn tàu biển là tài liệu được thiết lập theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hộichủ

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm."

Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển".

nghĩa Việt Nam là thành viên để sử dụng trên tàu biển nhằm chỉ dẫn thuyền viên trong khai thác, vận hành tàu biển và các máy, trang thiết bị của tàu biển đáp ứng các yêu cầu về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu biển.

4. Đánh giá là hoạt động bao gồm xem xét hồ sơ tài liệu và kiểm tra thực tế để xác nhận hệ thống quản lý của đối tượng được đánh giá được thiết lập và thực thi phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Tuyến quốc tế là tuyến hành trình của tàu biển từ một cảng của Việt Nam đến cảng của nước ngoài hoặc ngược lại, hoặc giữa hai cảng của nước ngoài.

6. Kiểm định tàu biển là việc kiểm tra, đo đạc, thử nghiệm tàu và trang thiết bị lắp đặt trên tàu nhằm mục đích xác nhận tàu biển thỏa mãn các quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với mục đích sử dụng của tàu biển.

6a[2]. Kiểm định, đánh giá tàu biển từ xa là quá trình đăng kiểm viên không có mặt trên tàu sử dụng công nghệ thông tin hoặc phương pháp khác để xác định điều kiện kỹ thuật của tàu biển trong thực tế vẫn đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường phù hợp cho mục đích hoạt động của tàu biển.

7. Thẩm định thiết kế tàu biển là việc kiểm tra, soát xét thiết kế tàu biển để đưa ra kết luận về việc tuân thủ của thiết kế tàu biển với yêu cầu của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển là việc kiểm tra, soát xét để khẳng định tài liệu hướng dẫn thỏa mãn các quy định của pháp luật, của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

9. Công-te-nơ là công-te-nơ theo định nghĩa tại khoản 1 Điều II của Công ước quốc tế về an toàn công-te-nơ (Công ước CSC) năm 1972 của IMO.

---

[2] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Điều 4. Nội dung công tác đăng kiểm tàu biển

1. Duyệt các tài liệu hướng dẫn tàu biển.

2. Thẩm định thiết kế tàu biển.

3. Kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi, nhập khẩu và khai thác sử dụng.

4. Đánh giá và cấp giấy chứng nhận quản lý an toàn, an ninh hàng hải và lao động hàng hải cho tàu biển theo quy định của Bộ luật ISM, Bộ luật quốc tế về an ninh tàu và cảng biển (Bộ luật ISPS), Công ước Lao động hàng hải năm 2006 (Công ước MLC 2006).

5. Giám định trạng thái kỹ thuật phục vụ việc mua, bán, thuê tàu biển, điều tra sự cố, tai nạn tàu biển theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc chủ tàu biển, người mua, bán bảo hiểm, người mua, bán và thuê tàu biển.

6. Kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi, hoán cải.

7. Đánh giá, công nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật, phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển.

8. Đánh giá và cấp giấy chứng nhận phù hợp cho công ty tàu biển theo quy định của Bộ luật ISM.

9. Cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn và cán bộ an ninh công ty tàu biển, sỹ quan an ninh tàu biển theo quy định của Bộ luật ISM và Bộ luật ISPS.

10. Cấp giấy chứng nhận thợ hàn theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển.

Điều 5. Các loại hình kiểm định tàu biển

1. Các loại hình kiểm định tàu biển bao gồm:

a) Kiểm định lần đầu, bao gồm: kiểm tra, giám sát kỹ thuật tàu biển đóng mới, tàu biển nhập khẩu.

b) Kiểm định chu kỳ, bao gồm: kiểm định định kỳ, kiểm định trung gian, kiểm định trên đà, kiểm định hàng năm.

c) Kiểm định bất thường.

2. Nội dung và thời hạn của các loại hình kiểm định tàu biển theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3.[3] Trong các trường hợp: hạn chế tiếp cận tàu biển vì lý do dịch bệnh, thiên tai, xung đột vũ trang; cơ sở sửa chữa không thể bố trí tiếp nhận tàu biển; tàu biển thực sự không có điều kiện đến nơi được chỉ định để kiểm định, tổ chức đăng kiểm thực hiện kiểm định, đánh giá tàu biển trực tiếp hoặc từ xa nhằm xác định điều kiện kỹ thuật của tàu biển vẫn đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường để kéo dài thời hạn giấy chứng nhận của tàu biển theo quy định.

Điều 6. Hồ sơ đăng kiểm cấp cho tàu biển

1. Tàu biển không hoạt động tuyến quốc tế được cấp hồ sơ đăng kiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tàu biển hoạt động tuyến quốc tế được cấp hồ sơ đăng kiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Hồ sơ đăng kiểm cấp cho tàu biển bao gồm:

a) Các giấy chứng nhận theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Các báo cáo kiểm định tàu biển được cấp khi kiểm tra thực tế tàu.

Điều 7. Giá, phí, lệ phí đăng kiểm

1.[4] Tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức đăng kiểm Việt Nam thực hiện công tác đăng kiểm tàu biển có trách nhiệm thanh toán các khoản phí, lệ phí, giá đăng kiểm theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền thực hiện kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển có trách nhiệm thanh toán các chi phí dịch vụ đăng kiểm theo quy định của tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền.

---

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Chương II

DUYỆT TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN, THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU BIỂN

Điều 8. Duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển

1. Tài liệu hướng dẫn tàu biển phải thoả mãn quy định có liên quan của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, đối với tàu biển hoạt động tuyến quốc tế, còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế áp dụng cho tàu biển về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Hồ sơ đề nghị duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển bao gồm:

a) 01 (một) giấy đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 03 (ba) bản tài liệu hướng dẫn.

3. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (nếu nộp hồ sơ trực tiếp); hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác; nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả.

5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra, xem xét tài liệu hướng dẫn, nếu không đạt thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu đạt yêu cầu thì đóng dấu xác nhận duyệt tài liệu hướng dẫn.

6. Tổ chức, cá nhân đề nghị duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 9. Thẩm định thiết kế tàu biển

1. Thiết kế tàu biển phải thoả mãn quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên áp dụng cho tàu biển về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

2.[5] Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế tàu biển:

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) tài liệu thiết kế dạng điện tử (đối với trường hợp nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc 03 bản chính tài liệu thiết kế (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác).

3.[6] Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 2 điều này và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (nếu nộp hồ sơ trực tiếp); hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác; nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả.

5.[7] Trong thời hạn 18 (mười tám) ngày, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hoặc theo thỏa thuận nếu thiết kế tàu biển mới hoặc phức tạp nhưng không quá 60 (sáu mươi) ngày, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định thiết kế, nếu không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế.

6. Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định thiết kế tàu biển nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương III

KIỂM ĐỊNH, CẤP HỒ SƠ ĐĂNG KIỂM CHO TÀU BIỂN

Điều 10. Kiểm định, cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển

1. Tàu biển Việt Nam được cấp hồ sơ đăng kiểm phải thoả mãn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, đo dung tích tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế áp dụng cho tàu biển về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

2.[8] Hồ sơ đề nghị kiểm định tàu biển bao gồm: 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3.[9] Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm.

4.[10] Tiếp nhận hồ sơ: Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

5.[11] Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận: Sau khi tiến hành kiểm định tàu biển, nếu kết quả kiểm định đạt yêu cầu thì cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành kiểm định lần đầu, 3 định kỳ và trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành kiểm định hàng năm, trên đà, trung gian, bất thường. Nếu kết quả kiểm định không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

Trường hợp tàu biển nhập khẩu, Chi cục Đăng kiểm cấp văn bản xác nhận trạng thái kỹ thuật tàu biển sau khi hoàn thành kiểm định lần đầu đạt yêu cầu.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

6.[12] Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHO CÔNG TY TÀU BIỂN VÀ TÀU BIỂN THEO BỘ LUẬT ISM

Điều 11. Đánh giá, cấp giấy chứng nhận phù hợp cho công ty tàu biển theo Bộ luật ISM

1. Hệ thống quản lý an toàn của công ty tàu biển phải thoả mãn quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trong khai thác tàu biển và Bộ luật ISM.

2.[13] Hồ sơ đề nghị đánh giá công ty tàu biển bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu 04 tại Phụ lục ban hành theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao tài liệu hệ thống quản lý an toàn của công ty tàu biển (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đối với trường hợp đánh giá sơ bộ hoặc lần đầu;

c) 01 (một) bản sao tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quản lý, thuê tàu trần và cam kết thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật ISM nếu công ty không phải là chủ sở hữu tàu biển (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đối với trường hợp đánh giá sơ bộ hoặc lần đầu.”.

3.[14] Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn).

4.[15] Tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu 4 hồ sơ đầy đủ thì trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc thống nhất thời gian đánh giá tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

5.[16] Đánh giá và cấp giấy chứng nhận: Sau khi tiến hành đánh giá hệ thống quản lý an toàn tại công ty tàu biển, nếu kết quả đạt yêu cầu, thì Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn cấp hoặc xác nhận hiệu lực Giấy chứng nhận phù hợp (DOC) theo quy định của Bộ luật ISM trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành đánh giá; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

6.[17] Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 12. Đánh giá, cấp giấy chứng nhận quản lý an toàn cho tàu biển theo Bộ luật ISM

1. Hệ thống quản lý an toàn của tàu biển phải thoả mãn quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trong khai thác tàu biển và Bộ luật ISM.

---

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

2.[18] Hồ sơ đề nghị đánh giá tàu biển bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quản lý, thuê tàu trần và cam kết thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật ISM nếu công ty không phải là chủ sở hữu tàu biển (trường hợp nộp hồ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận sơ bộ hoặc lần đầu.

3.[19] Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn.

4.[20] Tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (nếu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến); hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác; nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thống nhất thời gian đánh giá tàu biển tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu.

5.[21] Đánh giá và cấp Giấy chứng nhận: Sau khi tiến hành đánh giá hệ thống quản lý an toàn tàu biển, nếu kết quả đạt yêu cầu thì Trung tâm Chứng nhận hệ

---

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao

thống quản lý chất lượng và an toàn cấp hoặc xác nhận hiệu lực Giấy chứng nhận quản lý an toàn (SMC) theo quy định của Bộ luật ISM trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành đánh giá; nếu không đạt thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

6.[22] Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và an toàn hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương V

ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM NƯỚC NGOÀI KIỂM ĐỊNH, PHÂN CẤP VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO TÀU BIỂN

Điều 13. Nguyên tắc thực hiện ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam[23]

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam.

2. Khi có nhu cầu, chủ tàu biển đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện ủy quyền cho một tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam phù hợp theo quy phạm phân cấp tàu biển của tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền và các điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Các yêu cầu về chất lượng, an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của quy phạm phân cấp tàu biển của tổ chức đăng kiểm nước

---

thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[23] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

ngoài không được thấp hơn các yêu cầu tương ứng của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền phải ký thỏa thuận với Cục Đăng kiểm Việt Nam theo Luật Tổ chức đăng kiểm (Luật RO) của IMO. Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo danh sách các tổ chức đăng kiểm đã ký thỏa thuận với Cục Đăng kiểm Việt Nam tại Hệ thống thông tin vận tải biển tích hợp toàn cầu (GISIS) của IMO.

4. Việc ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận cho tàu biển được thực hiện theo một trong các nội dung sau đây:

a) Kiểm định và cấp giấy chứng nhận phân cấp theo quy phạm của tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền;

b) Kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam;

c) Kiểm định và cấp giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 14. Thủ tục cấp văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam[24]

1. Hồ sơ đề nghị ủy quyền bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam hoặc văn bản chấp thuận đặt tên tàu biển của cơ quan đăng ký tàu biển (trường hợp nộp hồ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đối với tàu đăng ký lần đầu mang cờ quốc tịch Việt Nam.

[24] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

2. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Tiếp nhận hồ sơ: Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến), hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì hẹn thời gian trả kết quả.

4. Xem xét hồ sơ và cấp văn bản ủy quyền: Sau khi tiến hành xem xét hồ sơ: nếu kết quả không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định thì Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp văn bản ủy quyền theo Mẫu 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương VI

ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ THỬ NGHIỆM, CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM TRA, THỬ TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN VÀ CƠ SỞ CHẾ TẠO LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT, PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TÀU BIỂN

Điều 15. Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển

1. Cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển phải thoả mãn các quy định liên quan của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2.[25] Hồ sơ đề nghị đánh giá, chứng nhận năng lực bao gồm:

---

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao bộ tài liệu bao gồm sổ tay chất lượng và các quy trình làm việc (trường hợp nộp hồ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến) theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3.[26] Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm.

4.[27] Tiếp nhận hồ sơ: Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành xem xét hồ sơ.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu kết quả xem xét hồ sơ chưa hợp lệ, Chi cục Đăng kiểm hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; nếu kết quả xem xét hồ sơ hợp lệ thì trả lời bằng văn bản và thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian đánh giá thực tế tại cơ sở trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày thống nhất.

5.[28] Đánh giá và cấp Giấy chứng nhận: Sau khi Chi cục Đăng kiểm tiến hành đánh giá. Nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định và công bố danh sách các cơ sở đủ năng lực trên Trang thông tin

---

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế tại cơ sở.

Nếu kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải có văn bản gửi cơ sở nêu rõ lý do không đạt trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế tại cơ sở.

6.[29] Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

Chương VII

KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO CÔNG-TE-NƠ, MÁY, VẬT LIỆU, TRANG THIẾT BỊ SỬ DỤNG CHO TÀU BIỂN

Điều 16. Kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi, hoán cải

1. Công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng trên tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi, hoán cải phải thoả mãn quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn công-te-nơ, phân cấp và đóng tàu biển, trang bị an toàn tàu biển, thiết bị nâng dùng trên tàu biển, các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm của tàu biển. Ngoài ra, công-te-nơ, máy, trang thiết bị sử dụng trên tàu biển hoạt động tuyến quốc tế còn phải thỏa mãn các điều ước quốc tế về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2.[30] Hồ sơ đề nghị kiểm định bao gồm:

a) 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao bộ hồ sơ kỹ thuật bao gồm thông số kỹ thuật và các báo cáo kiểm tra, thử công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị (trường hợp nộp hồ trực

---

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác).

3.[31] Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm (sau đây gọi là cơ quan đăng kiểm).

4.[32] Tiếp nhận hồ sơ: Cơ quan đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với người nộp hồ sơ về thời gian kiểm tra thực tế tại địa điểm do người nộp hồ sơ yêu cầu trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày người nộp hồ sơ đề nghị.

5.[33] Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận: Sau khi kiểm tiến hành kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, cơ quan đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành kiểm tra; nếu không đạt thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

6.[34] Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

---

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[33] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[34] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Chương VIII

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ CÁN BỘ QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG TY TÀU BIỂN VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN THỢ HÀN

Điều 17. Thủ tục cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển

1. Người được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển phải hoàn thành khoá huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển với kết quả kiểm tra cuối khóa đạt yêu cầu.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển bao gồm:

a)[35] 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 ảnh mầu cỡ 4 x 6 cm của người đề nghị được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển chụp trong thời gian không quá 06 tháng (mặt sau của ảnh có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh).

3.[36] Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Trung tâm Chuyển đổi số, dữ liệu phương tiện Quốc gia và tập huấn nghiệp vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm DTTC) hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên đủ điều kiện theo quy định.

4.[37] Tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm DTTC hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp

---

[35] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[36] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[37] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với cá nhân, tổ chức về thời gian và địa điểm huấn luyện nghiệp vụ.

5.[38] Tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận: Trung tâm DTTC hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên tổ chức huấn luyện nghiệp vụ và kiểm tra cuối khóa đối với người đề nghị được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc khoá huấn luyện, Trung tâm DTTC hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cho cá nhân có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

6.[39] Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm DTTC hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 18. Thủ tục cấp giấy chứng nhận thợ hàn

1. Thợ hàn được cấp giấy chứng nhận phải thoả mãn quy định của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận thợ hàn bao gồm:

a)[40] 01 (một) bản chính hoặc biểu mẫu điện tử giấy đề nghị theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b)[41] 01 (một) ảnh mầu cỡ 3 x 4 cm của người đề nghị được cấp giấy chứng nhận thợ hàn chụp trong thời gian không quá 06 tháng (mặt sau của ảnh có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh).

---

[38] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[39] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[40] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[41] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có

3.[42] Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Chi cục Đăng kiểm.

4.[43] Tiếp nhận hồ sơ: Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ: nếu hồ sơ không đầy đủ thì ngay trong ngày làm việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất thời gian kiểm tra tay nghề thực tế.

5.[44] Kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận: Sau khi kiểm tra tay nghề thực tế, nếu kết quả kiểm tra tay nghề đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra tay nghề thực tế.

6.[45] Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

---

hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

[42] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[43] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[44] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[45] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Chương IX

ĐĂNG KIỂM TÀU BIỂN CÔNG VỤ, TÀU NGẦM, TÀU LẶN

Điều 19. Đăng kiểm tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn

1. Nội dung đăng kiểm tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn bao gồm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7 và khoản 10 Điều 4 của Thông tư này.

2. Công tác đăng kiểm tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn thực hiện theo quy định tại các Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 18 của Thông tư này.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Thực hiện chức năng tổ chức đăng kiểm Việt Nam; tổ chức hệ thống đăng kiểm thống nhất trong phạm vi cả nước để thực hiện công tác đăng kiểm tàu biển theo quy định của Thông tư này.

2. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn kỹ thuật, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải liên quan đến tàu biển.

3. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành tiêu chuẩn đăng kiểm viên, đánh giá viên tàu biển; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, đánh giá, công nhận đăng kiểm viên, đánh giá viên tàu biển theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Thực hiện ủy quyền, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức đăng kiểm nước ngoài thực hiện kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam hoạt động trên tuyến quốc tế.

5. Thực hiện đăng kiểm các tàu biển quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư này khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đăng kiểm tàu biển và quản lý dữ liệu liên quan; báo cáo kết quả thực hiện công tác đăng kiểm tàu biển theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền

1. Thực hiện kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo ủy quyền cho tàu biển theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận của mình.

2. Thực hiện chế độ trao đổi thông tin, báo cáo theo thỏa thuận với Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Chấp hành các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 21a. Trách nhiệm của Trung tâm DTTC, cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên[46]

Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển phù hợp với các yêu cầu nêu trong 11 MSC-MEPC.7/Circ.6 của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) và theo quy định tại Thông tư này.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ tàu biển, cơ sở thiết kế, đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển, cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển

1. Chủ tàu biển có trách nhiệm thực hiện quy định về đăng kiểm tàu biển khi tàu biển được đóng mới, nhập khẩu, hoán cải, sửa chữa phục hồi và trong quá trình hoạt động; đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật, an ninh hàng hải, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu biển giữa hai kỳ kiểm định, đánh giá theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Cơ sở thiết kế, đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển, cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển phải thực hiện các quy định liên quan về công tác đăng kiểm của Thông tư này.

Chương XI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[47]

---

[46] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[47] Điều 11 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 quy định như sau:

"Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 3 của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2023. Các khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 9, khoản 10, khoản 11 và khoản 12 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

2. Bãi bỏ các văn bản sau:

a) Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam.

b) Thông tư số 32/2011/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 51/2005/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 49 /VBHN-BGTVT

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC (02).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Nguyễn Xuân Sang

---

2. Các thủ tục hành chính quy định tại Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT đang được thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành trả kết quả theo quy định.

3. Các đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT tiếp tục được duy trì hạng đăng kiểm viên đến ngày hết hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận và không phải xác nhận hàng năm.

4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Phụ lục
MẪU GIẤY TỜ SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐĂNG KIỂM TÀU BIỂN
(Ban hành theo Thông tư số 40/2016 /TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu
1	Đề nghị duyệt tài liệu hướng dẫn tàu biển	Mẫu số 01
2	Đề nghị thẩm định thiết kế tàu biển	Mẫu số 02
3	Đề nghị kiểm định, cấp hồ sơ đăng kiểm cho tàu biển	Mẫu số 03[48]
4	Đề nghị đánh giá, cấp giấy chứng nhận phù hợp cho công ty tàu biển theo Bộ luật ISM	Mẫu số 04[49]
5	Đề nghị đánh giá, cấp giấy chứng nhận quản lý an toàn cho tàu biển theo Bộ luật ISM	Mẫu số 05[50]
6	Đề nghị ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển	Mẫu số 06[51]
7	Văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài	Mẫu số 07[52]

[48] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 14 Điều 1 và Phụ lục I của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[49] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 14 Điều 1 và Phụ lục I của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[50] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 14 Điều 1 và Phụ lục I của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[51] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 14 Điều 1 và Phụ lục I của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[52] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 14 Điều 1 và Phụ lục I của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao

	kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển	
8	Đề nghị đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển	Mẫu số 08[53]
9	Đề nghị kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển	Mẫu số 09[54]
10	Đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển	Mẫu số 10[55]
11	Đề nghị cấp giấy chứng nhận thợ hàn	Mẫu số 11
12	Giấy chứng nhận tham dự huấn luyện cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển	Mẫu số 12[56]

thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[53] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 14 Điều 1 và Phụ lục I của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[54] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 14 Điều 1 và Phụ lục I của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[55] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 14 Điều 1 và Phụ lục I của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

[56] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 và Phụ lục I của Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 7 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và Thông tư số 51/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ DUYỆT TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TÀU BIỂN

Số ..... Địa điểm ..... Ngày .....

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tổ chức/cá nhân đề nghị:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....Fax:.....Email: .....

Tên tàu:.....

Số thân tàu:..... Ngày đặt sống chính: .....

Số phân cấp:..... Số IMO(1):.....

Chủ tàu biển/Công ty tàu biển:.....

Kiểu và công dụng của tàu:.....

Ký hiệu cấp tàu:.....

Tổng dung tích (GT):..... Trọng tải toàn phần (DW): .....(t)

Nhà máy đóng tàu:.....

Vùng hoạt động: Tuyến nội địa/Tuyến quốc tế(2)

Tài liệu hướng dẫn đề nghị duyệt: .....

.....

.....

.....

.....

.....

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Nếu áp dụng.
(2) Gạch bỏ nếu không phù hợp.

Mẫu số 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU BIỂN

Số : ..... Địa điểm : ..... Ngày : .....

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Cơ sở thiết kế: .....

.....

Địa chỉ: .....

.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

I/ Thiết kế đóng mới(1)

Tên/ký hiệu thiết kế: .....

.....

Các thông số chính của tàu:

Chiều dài (L_{max}/L): ..... (m)

Chiều rộng (B_{max}/B): ..... (m)

Chiều cao mạn (D): ..... (m)

Chiều chìm thiết kế lớn nhất (d): ..... (m)

Tổng dung tích (GT): .....

Trọng tải toàn phần (DW): ..... (t)

Số lượng thuyền viên tối đa trên tàu: ..... (người)

Số lượng hành khách/người khác tối đa trên tàu : ..... (người)

Ký hiệu máy chính : ..... Số lượng : ..... (chiếc) ; Công suất : ..... (kW)

Vật liệu thân tàu : .....

.....

Kiểu và công dụng của tàu : .....

.....

Loại hàng chuyên chở : .....

.....

Tốc độ thiết kế của tàu : .....

.....

Cấp thiết kế dự kiến : .....

.....

Vùng hoạt động : Tuyến nội địa ; Tuyến quốc tế(2)

Chủ sử dụng thiết kế : .....

.....

Nơi đóng : .....

II/ Thiết kế hoán cải/sửa đổi(2)

Tên tàu/kí hiệu thiết kế ban đầu:...../.....

Kí hiệu thiết kế mới (nếu có): ....

Số Phân cấp/Phân biệt(2): .... Số IMO(2): .....

Chủ tàu biển/Công ty tàu biển: ....

Nội dung đề nghị hoán cải/sửa đổi(2):

....

....

....

....

....

Vùng hoạt động sau hoán cải/sửa đổi(2): Tuyến nội địa/Tuyến quốc tế(2)

Nơi thi công:.....

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích :
(1) Nếu áp dụng.
(2) Gạch bỏ nếu không phù hợp

Mẫu số 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH VÀ CẤP HỒ SƠ ĐĂNG KIỂM CHO TÀU BIỂN

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi: .....

Tổ chức/cá nhân đề nghị: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: …….. Fax: …… Email: .....

Đề nghị ..... thực hiện kiểm định và cấp các giấy chứng nhận cho tàu sau đây:

1. THÔNG TIN VỀ TÀU

Tên tàu		Số phân cấp/ Số IMO.	
Dấu hiệu cấp tàu		Tổ chức đăng kiểm khác (1)	
Quốc tịch		Cảng đăng ký	
Công dụng của tàu		Tổng dung tích	
LppxBxDxd (m)		Trọng tải (tấn)	
Vùng hoạt động của tàu	□ Tuyến quốc tế/ □ Tuyến nội địa □ Không hạn chế/ □ Hạn chế (chỉ rõ vùng hạn chế):		

(1) Đề nghị tổ chức đăng kiểm khác trong trường hợp tàu có mang đồng thời cấp của tổ chức đó.

2. THÔNG TIN VỀ KIỂM ĐỊNH

Thời gian kiểm định	Từ ngày: đến ngày:
Địa điểm kiểm định	
Người liên hệ, địa chỉ, điện thoại, fax, email	

3. PHẠM VI KIỂM ĐỊNH *(Mô tả yêu cầu kiểm tra, loại hình kiểm tra phân cấp/ theo luật)*

_____

4. CẤP/ XÁC NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN *(Mô tả các giấy chứng nhận yêu cầu cấp/xác nhận)*

_____

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA CÔNG TY
APPLICATION FOR AUDIT OF COMPANY SMS

Kính gửi/ *To*: **Trung tâm chứng nhận hệ thống quản lý chứng nhận và an toàn**

Chúng tôi đề nghị Trung tâm chứng nhận hệ thống quản lý chứng nhận và an toàn thực hiện việc đánh giá Hệ thống quản lý an toàn theo yêu cầu của Bộ luật ISM như sau:
We request Quality and Safety Management System Certification Center to carry out audit for the Safety Management System in accordance with ISM Code requirements as mentioned below:

<table>
<tr><td>Loại hình đánh giá
Type of Audit</td><td colspan="2">☐ Lần đầu/Initial ☐ Hàng năm/Annual ☐ Cấp mới/Renewal
☐ Sơ bộ/Issuing Interim DOC
☐ Bổ sung/Additional (lý do/for:)
☐ Khắc phục/Follow up (lý do/for:)</td></tr>
<tr><td rowspan="12">Công ty
Company</td><td colspan="2">Tên Công ty/Company name:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Số nhận dạng/Company IMO Number:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Địa chỉ đăng ký/Registered Address:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Địa chỉ giao dịch/Postal Address:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Telephone No.: Fax No.: Email:</td></tr>
<tr><td colspan="2">GCN DOC hoặc I_DOC/DOC or I_DOC Cert.:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Người đại diện/Person in Charge:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chức vụ/Position:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Mobile No.: Email:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Số lượng nhân viên trong HTQLAT/Number of employer in Company SMS:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Số lượng tàu trong HTQLAT (xem danh sách đính kèm)/Number of ship(s) applied Company SMS (see attached list):</td></tr>
<tr><td colspan="2">Số lượng chi nhánh chịu trách nhiệm trong việc quản lý tàu (xem danh sách đính kèm)/Number of branch(es) responsible for management of ship (see attached list):</td></tr>
<tr><td>Loại tàu
Audit Scope</td><td>☐ Tàu khách/Passenger Ship
☐ Tàu khách cao tốc/Passenger HSC
☐ Tàu dầu/Oil Tanker
☐ Tàu hóa chất/Chemical Tanker
☐ Tàu khí hóa lỏng/Gas Carrier</td><td>☐ Tàu hàng rời/Bulk Carrier
☐ Tàu hàng cao tốc/Cargo HSC
☐ Tàu hàng khác/Other cargo ship
☐ Dàn khoan di động/MODU</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Dự kiến đánh giá
Audit Schedule</td><td colspan="2">Ngày/Date:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Địa điểm/Place:</td></tr>
</table>

Tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đánh giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận: (Ghi vào phần này nếu tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán phí, lệ phí, giá đăng kiểm không phải là tổ chức đề nghị)

All fees and expenses incurred in the above mentioned audit and issue of certificate are paid by: (Fill in this section if the organization responsible for paying fees and expenses is not the applicant)

Công ty/*Company*:

Địa chỉ/*Address:*

Mã số thuế/*Tax Code:*

Telephone No.: Fax No.:

Ngày/*Date:*

Đại diện Công ty/*Signature of Applicant*

DANH SÁCH CÁC TÀU DO CÔNG TY QUẢN LÝ
LIST OF THE SHIPS UNDER COMPANY'S MANAGEMENT

STT ***No.***	**Tên tàu** ***Ship name***	**Treo cờ** ***Flag***	**Loại tàu** ***Ship type***	**Tổng dung tích** ***Gross tonnage***	**Cảng đăng ký** ***Port of registry***

DANH SÁCH CHI NHÁNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ TÀU
LIST OF BRANCH(ES) RESPONSIBLE FOR MANAGEMENT OF SHIP

STT ***No.***	**Tên chi nhánh** ***Branch name***	**Địa chỉ** ***Address***	**Tel./Fax/** **Email**	**Người đại diện** ***Person in charge***	**Tel./Email**

_____

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN CỦA TÀU BIỂN
APPLICATION FOR AUDIT OF SHIPBOARD SMS

Kính gửi/ *To*: **Trung tâm chứng nhận hệ thống quản lý chứng nhận và an toàn**

Chúng tôi đề nghị Trung tâm chứng nhận hệ thống quản lý chứng nhận và an toàn thực hiện việc đánh giá Hệ thống quản lý an toàn theo yêu cầu của Bộ luật ISM như sau:
We request Quality and Safety Management System Certification Center to carry out audit for the Safety Management System in accordance with ISM Code requirements as mentioned below:

<table>
<tr><td>Loại hình đánh giá
Type of Audit</td><td colspan="2">☐ Lần đầu/Initial ☐ Trung gian/Intermediate ☐ Cấp mới/Renewal
☐ Sơ bộ/Issuing Interim SMC
☐ Bổ sung/Additional (lý do/for:)
☐ Khắc phục/Follow up (lý do/for:)</td></tr>
<tr><td rowspan="6">Tàu
Ship</td><td>Tên tàu/Ship name:</td><td>Hô hiệu/Call sign:</td></tr>
<tr><td>Loại tàu/Ship type:</td><td>Số IMO/IMO No.:</td></tr>
<tr><td>Treo cờ/Flag:</td><td>Số đăng ký/Official No.:</td></tr>
<tr><td>Cảng đăng ký/Port of Registry:</td><td>Tổng dung tích/Gross Tonnage:</td></tr>
<tr><td>Đăng kiểm/Classification Society:</td><td>Số phân cấp/Class No.:</td></tr>
<tr><td>GCN SMC (nếu có)/SMC Cert.(if any):</td><td>Năm đóng/Year of Build:</td></tr>
<tr><td rowspan="8">Công ty
Company</td><td colspan="2">Tên Công ty/Company name:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Số nhận dạng/Company IMO Number:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Địa chỉ/Address:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Telephone No.: Fax No.:</td></tr>
<tr><td colspan="2">GCN DOC hoặc I_DOC/DOC or I_DOC Cert.:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ngày đánh giá hàng năm gần nhất/Date of Last Annual Audit:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Thời hạn đánh giá hàng năm/Due Range of Annual Audit từ /from: đến /to:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Cán bộ an toàn công ty/ DPA:
GCN DPA (nếu có)/DPA Cert.(if any):</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Dự kiến đánh giá
Audit Schedule</td><td colspan="2">Ngày/Date:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Địa điểm/Place:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Đại lý liên hệ/Name of Agent:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Telephone No.: Fax No.: Email:</td></tr>
</table>

Tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đánh giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận: (Ghi vào phần này nếu tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán phí, lệ phí, giá đăng kiểm không phải là tổ chức đề nghị)
All fees and expenses incurred in the above mentioned audit and issue of certificate are paid by: (Fill in this section if the organization responsible for paying fees and expenses is not the applicant)
Công ty/*Company*:
Địa chỉ/*Address:*
Mã số thuế/*Tax Code:*
Telephone No.: Fax No.:

Ngày/*Date:*
Đại diện Công ty/*Signature of Applicant*

Mẫu số 06

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ UỶ QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM NƯỚC NGOÀI KIỂM ĐỊNH, PHÂN CẤP VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN HÀNG HẢI, AN NINH TÀU BIỂN, ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM

Số: Địa điểm: Ngày

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax/email:

Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam uỷ quyền cho tổ chức đăng kiểm:

.....

Thực hiện kiểm định, phân cấp và cấp các giấy chứng nhận an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển dưới đây:

Tên tàu: Cảng đăng ký:

Số đăng ký: Số IMO:

Hô hiệu: Tổng dung tích (GT):

Chủ tàu biển:

Công ty tàu biển:

Nội dung đề nghị ủy quyền:

.....

.....

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
MINISTRY OF TRANSPORT
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số ..... Địa điểm ..... Ngày .....
Ref. No. Place Date

VĂN BẢN UỶ QUYỀN CHO TỔ CHỨC ĐĂNG KIỂM NƯỚC NGOÀI KIỂM ĐỊNH, PHÂN CẤP VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KỸ THUẬT VỀ AN TOÀN HÀNG HẢI, AN NINH TÀU BIỂN, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM LAO ĐỘNG HÀNG HẢI VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO TÀU BIỂN VIỆT NAM

AUTHORIZATION LETTER FOR FOREIGN RECOGNIZED ORGANIZATION TO CARRY OUT SURVEY, CLASSIFICATION AND ISSUANCE OF SAFETY, SECURITY, MARITIME LABOUR AND ENVIRONMENT POLLUTION PREVENTION CERTIFICATES FOR VIETNAM SEA-GOING SHIP

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

GENERAL DIRECTOR OF VIETNAM REGISTER

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015,

Pursuant to the Vietnam Maritime Code 2015,

Xét Đề nghị số: ..... ngày .....
Having considered Application No.: dated

của: .....
of:

UỶ QUYỀN: .....
AUTHORIZES:

Thực hiện việc kiểm định, phân cấp và cấp các giấy chứng nhận kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển dưới đây:

To carry out survey, classification and issuance of safety, security, maritime labour and environment pollution prevention certificates to the following ship:

Tên tàu (Ship's Name): ..... Cảng đăng ký (Port of Registry): .....
Số đăng ký (Registry Number): ..... Số IMO (IMO Number): .....
Hô hiệu (Call Sign): ..... Tổng dung tích (GT): .....
Chủ tàu biển (Owner): .....
Công ty tàu biển (Company): .....

TT No.	Phạm vi ủy quyền Scope of authorization	Quy chuẩn, quy phạm, tiêu chuẩn, công ước áp dụng Applicable regulations, rules, standards, conventions

CỤC TRƯỞNG
GENERAL DIRECTOR
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC CƠ SỞ THỬ NGHIỆM, CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM TRA, THỬ TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN VÀ CƠ SỞ CHẾ TẠO LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TÀU BIỂN

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi: ….....

Tổ chức/cá nhân đề nghị: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: …….. Fax: …… Email: .....

Đề nghị ..... đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm/cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn/cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển[(1)] (sau đây gọi là "cơ sở") dưới đây:

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại: ……. Fax: ……. Email:

Các dịch vụ/sản phẩm[(1)] do cơ sở cung cấp/chế tạo[(1)]:

.....

.....

.....

Ngày dự kiến đánh giá tại cơ sở: .....

Sổ tay chất lượng, sơ đồ tổ chức và các quy trình làm việc liên quan của cơ sở được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

[(1)] Gạch bỏ nếu không phù hợp.

Mẫu số 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHO CÔNG-TE-NƠ, MÁY, VẬT LIỆU, TRANG THIẾT BỊ SỬ DỤNG TRÊN TÀU BIỂN

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi: .....…

Tổ chức/cá nhân đề nghị: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: …….. Fax: …… Email: .....

Đề nghị ..... kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ/máy/vật liệu/trang thiết bị sử dụng cho tàu biển[1] (sau đây gọi là "thiết bị") dưới đây:

Tên thiết bị: .....

.....

.....

Tên, địa chỉ nhà sản xuất: .....

.....

Ngày sản xuất: .....

Thời gian kiểm định dự kiến: .....

Địa điểm kiểm định: .....

Thông số kỹ thuật và các báo cáo kiểm tra, thử thiết bị trong quá trình sản xuất được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

---

[1] Gạch bỏ nếu không phù hợp.

Mẫu số 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ CÁN BỘ QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG TY TÀU BIỂN

Số ..... Địa điểm ..... Ngày .....

Kính gửi:.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Đề nghị ..... tập huấn nghiệp vụ và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cán bộ quản lý an toàn công ty theo quy định của Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) cho những người có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Số điện thoại/ Email

01 ảnh mầu cỡ 4 x 6 cm của mỗi người có tên trên được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THỢ HÀN

Số _____ Địa điểm _____ Ngày _____

Kính gửi: ….....

Tổ chức/cá nhân đề nghị: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: …… Fax: …….. Email:.....

Đề nghị .....cấp giấy chứng nhận thợ hàn theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cho những người có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Mã số thợ hàn (nếu có)	Số điện thoại/Email	Đơn vị công tác (nếu có)

Thời gian và địa điểm dự kiến kiểm tra tay nghề:

.....

.....

.....

01 ảnh mầu cỡ 4 x 6 cm của mỗi người có tên trên được gửi kèm theo đề nghị này.

Người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN THAM DỰ HUẤN LUYỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG TY TÀU BIỂN
CERTIFICATE OF PARTICIPATING IN THE TRAINING COURSE FOR THE COMPANY 'S DESIGNATED PERSON ASHORE (DPA)

Trường/Trung tâm ..... chứng nhận
MARITIME TRAINING INSTITUTION CERTIFY THAT

Ông / Bà:.....
Mr. / Mrs.
Ngày sinh: .....
Date of birth
Quốc tịch: .....
Nationality

Đã hoàn thành khóa huấn luyện cán bộ quản lý an toàn công ty tàu biển được tổ chức tại ..... từ ngày ..... đến ngày ....

Has completed the training course for the Company's Designated Person Ashore (DPA), which has been held at ..... from date .....to date .....

theo quy định tại mục 4 Phần A của Bộ luật quản lý an toàn quốc tế (Bộ luật ISM) và Thông tri MSC-MEPC.7/Circ.6

according to item 4 Part A of the International Safety Management Code (ISO Code) and the IMO Circular MSC-MEPC.7/Circ.6

Số Giấy chứng nhận: ……
Certificate Number

Ảnh màu 4x6

Cấp tại ……., ngày……tháng…….năm……
Issued at

(Ký tên và đóng dấu)